

MỐI LIÊN HỆ GIỮA ÂM NHẠC CUNG ĐÌNH CÁC NƯỚC TRUNG QUỐC, NHẬT BẢN, HÀN QUỐC, VIỆT NAM

I VĂN THỊ MINH HƯƠNG

Email: vmhuongfpt@gmail.com

Nguyên Giám đốc Nhạc viện Thành phố Hồ Chí Minh

RELATIONSHIP BETWEEN FAMILY MUSIC OF CHINA, JAPAN, KOREA, VIETNAM

TÓM TẮT ↔ ABSTRACT

Đền Jongmyo (Hàn Quốc) nơi diễn ra các buổi lễ nhạc Aak đã được UNESCO công bố là di sản thế giới vào năm 1995. Nhã nhạc được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại năm 2003. Gagaku (Nhật Bản) Được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại năm 2009. Việc nghiên cứu và bảo tồn những báu vật này là điều khẩn cấp nhằm bảo vệ, duy trì những tinh hoa âm nhạc của nhân loại đang bị mai một và biến dạng. Gagaku, Aak, Nhã nhạc có nguồn gốc từ Âm nhạc Cung đình Trung quốc (Yayue). Tư tưởng Khổng, Nho với tư tưởng phân biệt giai cấp gay gắt, đề cao tối đa vai trò, địa vị của giới thống trị với các lễ thức cầu kỳ, hoành tráng. Điển hình các nghi lễ cung đình và các cơ quan phục vụ nghi lễ liên quan, được các nước khu vực Đông Á: Việt Nam, Nhật Bản và khu vực bán đảo Triều Tiên tiếp nhận một cách nhanh chóng và tích cực. Các nước này đều có mối liên hệ gần về địa lý, lịch sử và mối giao lưu văn hóa nghệ thuật lâu đời. Tuy nhiên, nhưng khi du nhập và bản địa hóa, cả ba nước: Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc đã có những chọn lọc, sáng tạo và thay đổi so với loại hình âm nhạc cung đình mang tính nguyên bản từ Trung Quốc.

Từ khóa: Âm nhạc cung đình, Yayue, Gagaku, Aak, Nhã nhạc, Lễ nhạc Khổng Tử

Jongmyo Temple (Korea) where Aak music ceremonies take place was declared a world heritage site by UNESCO in 1995. Nha nhạc (Vietnam) was recognized by UNESCO as a Masterpiece of Oral and Intangible Humanity in 2003. Gagaku (Japan) Recognized by UNESCO as an Intangible Cultural Heritage of Humanity in 2009. It is urgent to research and preserve these treasures in order to protect and maintain the musical quintessence of humanity is being lost and deformed. Gagaku, Aak, Nha Nhạc originated from Chinese Court Music (Yayue). Confucianism and Confucianism with the ideology of harsh class discrimination, maximized the role and status of the ruling class with elaborate and magnificent ceremonies. Typically, court ceremonies and related ceremonial services are quickly and positively received by East Asian countries: Vietnam, Japan and the Korean peninsula. These countries all have close geographical, historical and cultural ties. However, when imported and localized, all three countries: Vietnam, Japan, and Korea have made selections, creations and changes compared to the original court music from China.

Keywords: Court music, Gagaku, Aak, Nha nhạc, Yayue, Confucian rituals music

Thuật ngữ

Khi đề cập đến dòng âm nhạc cung đình các nước khu vực Đông Á: Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Việt Nam, các nhà nghiên cứu âm nhạc truyền thống các nước thường sử dụng các thuật ngữ:

- Trung Quốc: Yayue/Yayueh (雅樂).
- Nhật Bản: Gagaku (雅楽) theo hệ chữ Kanji.
- Hàn Quốc: Aak/AhAk (아악); chữ Hán: (雅樂).
- Việt Nam: Nhã nhạc (theo mẫu tự La tinh); theo chữ Hán – Nôm: (雅樂).

Những thuật ngữ này dù là nguyên bản; của mẫu tự cổ; mẫu tự đã sáng tạo của mỗi quốc gia hoặc mẫu tự

La tinh đều dùng để chỉ loại hình âm nhạc cung đình. Tất cả đều có cùng 1 nguồn gốc, xuất phát từ tiếng Trung Quốc và có cùng ý nghĩa như nhau. Thuật ngữ trên xuất phát từ thời Hán Vũ Đế (156-87 TCN) – Trung Quốc cổ đại khi vua này lập nên Nhạc phủ. Đến thời nhà Đường (618-907) lịch sử Nhã nhạc Trung Quốc mới chính thức xác lập và tạo những ảnh hưởng sâu rộng đối với âm nhạc cung đình các nước lân cận: Việt Nam, Nhật Bản, Bán đảo Triều Tiên. Về ý: Nhã nhạc là loại âm nhạc trang nhã, lịch sự, chỉ sử dụng trong hoàng cung, dành riêng cho hoàng triều. Về nghĩa: Nhã nhạc ghép bởi 2 từ: 雅: lịch sự, trang nhã và 樂: âm nhạc.

Nguồn gốc

Nội hàm ban đầu của danh từ Nhã nhạc được hình thành trên quan điểm xác định vai trò quan trọng của âm nhạc trong đời sống theo thuyết của Khổng Tử. Bước sang giai đoạn nhà Hán, đất nước Trung Hoa bước vào kỷ nguyên phát triển và rất hùng mạnh, nông nghiệp, thủy lợi có nhiều chính sách cổ vũ, mở mang nên rất phát đạt, các mối quan hệ xã hội cũng được chú trọng. Lễ-nhạc vẫn là điểm lưu tâm hàng đầu của các triều đại. Nho giáo được nâng lên địa vị quốc giáo vì nho học là thuyết tôn quân và ủng hộ thể chế chính trị trung ương tập quyền. Đặc biệt đến đời nhà Đường (618-907), Trung Quốc càng trở nên hùng mạnh, văn hóa đời nhà Đường đã phát triển đến mức cực thịnh và tác động sâu sắc đến các nước có các mối quan hệ phụ thuộc hoặc giao lưu với Trung Quốc.

Tư tưởng Khổng, Nho với tư tưởng phân biệt giai cấp gay gắt, đề cao tối đa vai trò, địa vị của giới thống trị với các lễ thức cầu kỳ, hoành tráng. Điển hình các nghi lễ cung đình và các cơ quan phục vụ nghi lễ liên quan, được các nước khu vực Đông Á: Việt Nam, Nhật Bản bán đảo Triều Tiên, tiếp nhận một cách nhanh chóng và tích cực.

Âm nhạc cổ đại Trung Quốc

Một số khuynh hướng bảo thủ thời Trung Quốc cổ đại thường khó tiếp nhận các yếu tố âm nhạc từ các nước ngoài. Nhưng từ triều đại Nhà Hán trở đi, xu hướng của đời sống âm nhạc Trung Quốc đã từng bước đón nhận những dòng âm nhạc từ các nước láng giềng Châu Á và cả các nước từ phương Tây xa xôi hơn¹. Cụ thể, họ đã từng bước du nhập nhạc cụ dây gảy (tỳ bà 4 và 5 dây). Cây đàn này đã nhanh chóng trở thành những nhạc cụ ưa thích cho cả độc tấu và hòa tấu. Họ cũng đã chấp nhận nhóm nhạc cụ kéo vĩ (nhị, hồ...), nhạc cụ này đã được du nhập vào Trung Quốc bởi những người xâm lăng Mông Cổ vào thế kỷ thứ 13. Họ cũng đánh giá cao các loại nhạc cụ dây gảy, được du nhập bởi những người Âu châu vào thế kỷ thứ 17 (là một trong những nhân tố ngoại nhập khó chấp nhận nhất đối với văn hóa cổ Trung Quốc). Nền âm nhạc của Trung Quốc từng bước đã có những sự thay đổi trong quan điểm triết học và các phong cách sáng tạo. Tôn giáo và những yếu tố liên quan đến âm nhạc tôn giáo, đặc biệt âm nhạc dân gian, truyền thống của vùng Đông Nam Á cũng được tiếp nhận.

Âm nhạc cổ đại Trung Quốc với những thành tựu vượt bậc, đã chi phối mạnh mẽ các quốc gia láng giềng. Yayue không chỉ ghi dấu ấn đậm trong Nhã nhạc Việt Nam mà đã vượt qua bức tường lớn vào khu vực bán đảo Triều Tiên và cuối cùng đã đến bờ biển Nhật Bản, nơi mà Gagaku, thể loại âm nhạc cung đình của Nhật Bản và Aak âm nhạc cung đình của Hàn Quốc vẫn được xem như là 2 phiên bản cổ đại

của âm nhạc cung đình Trung Quốc còn sót lại đến nay. Những dòng nhạc này đã được bảo tồn gần như nguyên vẹn và được Việt hóa, Nhật hóa, Hàn hóa, thành công theo cách riêng của họ.

Ngày nay, qua những mối liên hệ về nguồn gốc, lịch sử, quá trình phát triển và ảnh hưởng nhau trong hệ thống các nhạc cụ, có thể thấy Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản và Việt Nam có mối giao lưu, trao đổi về âm nhạc rất chặt chẽ.

Quan điểm về nhạc và lễ trong âm nhạc cung đình

Âm nhạc cung đình các nước phương Đông cổ xưa: Trung Quốc, Ấn Độ, Ả Rập đã có những học thuyết ra đời từ rất sớm và có những diễn giải riêng, mang màu sắc thần bí. Họ giải thích các quy luật của âm thanh âm nhạc theo những biểu tượng của các vật chất trong vũ trụ có ảnh hưởng tới cuộc sống của con người như: Kim, mộc, thủy, hỏa, thổ... hoặc cho rằng mối quan hệ giữa âm thanh âm nhạc tượng trưng cho mối quan hệ giữa thần thánh với chúng sinh cũng như giữa con người với con người trong xã hội, gia đình.

Có thể xem Khổng Tử (551-479TCN) là một trong những nhà lý luận âm nhạc (Musicologist) đầu tiên của Trung Quốc. Theo ông, âm nhạc biểu hiện cho sự thịnh trị của một quốc gia. Còn Tô Tuân (1009-1066) có công trình “Lục kinh luận” trong đó, Nhạc luận thể hiện quan điểm của ông đối với âm nhạc. Ông cho rằng âm nhạc là sự tiếp tục của lễ, xã hội chỉ có thể ổn định, hòa bình nếu như có lễ. Âm nhạc theo Khổng Tử còn là “tấm gương phản chiếu xã hội”, “một phương tiện trị quốc”.

Thực vậy, âm nhạc cung đình các nước khu vực Đông Á, điển hình với Trung Quốc luôn gắn với lễ. Lễ thường được giải thích là hệ thống kỷ cương, giềng mối, tôn tri, trật tự mà mỗi thành viên trong xã hội phải tuân theo. Tuy nhiên, lễ dù quan trọng như vậy nhưng không thể tạo ra sức mạnh nếu như không có sự hỗ trợ của nhạc. “Khi thánh nhân xây dựng quan hệ vua tôi, cha con, anh em... cần dùng đến lễ, những gì mà lễ không làm nổi thì nhạc sẽ làm nổi, những gì bằng lễ không đạt được thì sẽ đạt được bằng nhạc”². Nhạc một khi đã đi vào lòng người thì bề tôi sẽ hết lòng thờ vua, con sẽ hết lòng phụng sự cha, em sẽ hết lòng quý trọng anh... và do đó lễ sẽ sống trong con tim của mọi người chúng ta”. Không riêng phương Đông, theo các nhà hoạt động xã hội Châu Âu cổ đại âm nhạc chính là một công cụ hữu hiệu trong việc giáo dục thanh niên”³.

Lễ nhạc Trung Quốc đời nhà Đường đã tạo cơ sở cho sự phát triển dòng âm nhạc này ở những đời sau và cả đối với các nước trong khu vực chịu ảnh hưởng. Đây còn là giai đoạn hưng thịnh vượt bậc của Phật giáo ở các nước nêu trên. Phật Giáo từ Ấn Độ du nhập đến

ARTS

Triều Tiên và Trung Quốc rồi lan tràn sang các nước khác. Đối với Nhật Bản, Phật giáo có nhiều biến tướng do ảnh hưởng phức tạp của yếu tố lịch sử. Đạo Phật ở Nhật bản vừa pha trộn các yếu tố Thần Đạo (Shinto giáo), Không giáo, Ấn giáo bí truyền và cả yếu tố ma thuật. Từ thế kỷ thứ IX trở đi, Phật giáo trở nên phổ biến sâu rộng ở Nhật Bản.

Du nhập và biến đổi

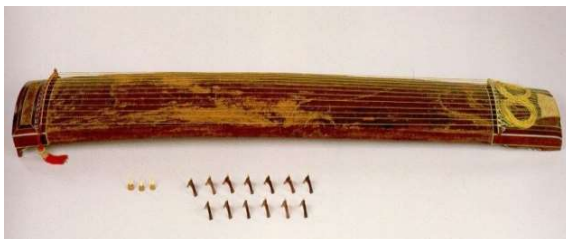
Gagaku Nhật Bản⁴ Gagaku là loại âm nhạc cổ xưa còn sót lại đến tận ngày nay. Gagaku được thành lập ở cung đình gồm: hòa tấu khí nhạc; nhạc múa; những bài hát và âm nhạc cho các nghi lễ thần đạo. Gagaku được du nhập chính thức từ âm nhạc cung đình Trung Quốc (hình thức Yayue) vào khoảng thế kỷ thứ VII (thời nhà Đường) qua con đường Triều Tiên và phát triển, bảo tồn theo cách riêng của mình. Vào giai đoạn này, nền văn hóa Trung Hoa đã có những ảnh hưởng và tác động sâu sắc đến văn hóa khu vực Đông Á cũng như toàn Châu Á nói chung. Gagaku phát triển mạnh vào thời kỳ Heian (794-1185). Gagaku là sự kết hợp trên cơ sở của yếu tố âm nhạc nghi lễ của tôn giáo bản địa (Thần đạo/Shinto giáo) với sự sàng lọc từ âm nhạc cung đình Trung Quốc (Togaku) và âm nhạc theo chân những người di dân đến từ Triều Tiên (Komagaku)⁵. Mặt khác, các nghiên cứu còn tìm thấy cả những yếu tố âm nhạc các vùng Trung Á, Ấn Độ, Đông Nam Á⁶ và cả khu vực Bắc Á nguyên thủy.

Nhắc đến âm nhạc cung đình Nhật Bản không thể không nhắc đến Kangen. Kangen là bộ phận hòa tấu khí nhạc thuần túy thuộc âm nhạc cung đình Nhật Bản, có những quy định nghiêm ngặt, chất lượng nghệ thuật và kỹ thuật diễn tấu cao, hệ thống bài bản và tổ chức dàn nhạc chặt chẽ. Kangen bắt nguồn từ các sinh hoạt mang tính tiêu khiển, giải trí trong cung đình, phục vụ cho tầng lớp hoàng tộc, quý tộc Nhật Bản. Đối với phần lớn các nghệ nhân, nhạc sĩ cung đình Nhật Bản, thuật ngữ Kangen được sử dụng thường hơn là Gagaku. Dàn nhạc Kangen gồm 3 loại nhạc khí hơi: Sho, Ruyteki và Hichiriki; 2 nhạc khí dây: Gaku-shou và Gaku-Biwa; 3 nhạc khí gõ: Kakko (trống nhỏ 2 mặt), Taiko (trống lớn 2 mặt) và Shoko (một loại cồng nhỏ).

Nhạc cụ trong dàn Kangen

Nhóm dây:

- Gaku-shou



- Gakubiwa



Nhóm nhạc khí hơi

Nhạc khí hơi trong dàn Kangen:

Ryuteki, Hichiriki và Sho



Nhóm gõ:

- Trống Gakudaiko



ARTS

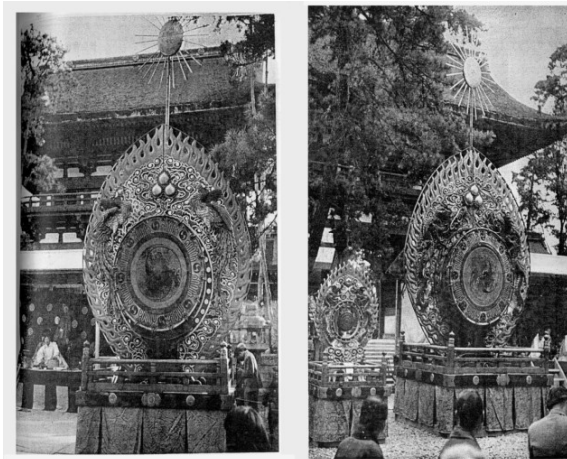
-Kakko:



-Tsurishoko:



Nhạc cụ trong nhạc cung đình Nhật Bản:
- Cặp trống Dadaiko



- Trống Ninadaiko



Nhã Nhạc Việt Nam⁷

Khác với Gagaku và Aak, do bị chi phối bởi hoàn cảnh lịch sử và điều kiện kinh tế, Nhã nhạc không có điều kiện đầu tư và phát triển một cách có hệ thống và liên tục. Nhã nhạc có mầm mống từ thời Lý (thế kỷ thứ XII)⁸, chính thức hiện diện từ thời nhà Trần (thế kỷ XIII), hoạt động quy củ vào triều nhà Lê (thế kỷ XV) và được củng cố, phát triển kéo dài đến cuối thời nhà Nguyễn (1613-1945).

Cũng như 2 khái niệm Gagaku và Kangen, Nhã nhạc Việt Nam ngoài hàm ý chung là Âm nhạc cung đình, còn thường để chỉ một tổ chức dàn nhạc trong cung. Tổ chức dàn nhạc này có tên chính thức là Nhã nhạc vào thời Nguyễn (1802-1945). Âm nhạc cung đình Việt Nam ngoài Nhã nhạc thuộc bộ phận nhạc lễ, còn có các loại hình khác như hát cung đình, Tuồng... còn mang yếu tố dân gian, nặng tính giải trí. Đây là điểm khác biệt so với một số nước. Nhã nhạc ngoài nhiệm vụ chính dành phục vụ cho nhà Vua trong nghi lễ Tế giao, còn đảm nhận cả chức năng về lễ thức trong các buổi yết triều, tiếp đón sứ thần các nước. Quan niệm về Nhã nhạc của các triều vua chúa Việt Nam ảnh hưởng đậm những quan điểm về lễ nhạc của Trung Quốc thông qua tư tưởng Khổng nho. Tuy nhiên, về mặt lịch sử, do sự thay đổi quan điểm của mỗi triều đại, cơ cấu và tổ chức của Nhã nhạc mỗi thời kỳ có những thay đổi đáng kể. Thời nhà Nguyễn các tổ chức âm nhạc mang tính lễ nghi trong cung đình của Việt Nam chịu ảnh hưởng từ các tổ chức âm nhạc triều đình Mãn Thanh (1889-1912) nhưng không sâu đậm như của triều đình nhà Lê (1428-1527) đối với nhà Minh (1368-1644) trước đó.

Sau những năm gián đoạn do chiến tranh liên miên, Nhã nhạc gần như bị quên lãng. Sau 1954, ở miền Nam, Nhã nhạc có một số hoạt động và giao lưu quốc tế ở Nhật Bản và một số nước (những năm 60-70 khi Việt Nam chưa thống nhất). Những năm 90 thế kỷ 20,

ARTS

với những nỗ lực của Bộ Văn hóa; thành phố Huế; Trung tâm bảo tồn di tích cố đô Huế và đặc biệt từ những nhà nghiên cứu từ Nhật Bản, Nhã nhạc đã từng bước khôi phục. Ngày nay Nhã nhạc vẫn biểu diễn tại Nhà hát Duyệt Thị Đường cố đô Huế qua 2 tổ chức dàn nhạc: Đại nhạc và Tiểu nhạc.

Cơ cấu tổ chức dàn nhạc trong Nhã nhạc có thay đổi theo từng thời kỳ và tùy thuộc vào quy mô của các lễ. Một số nhạc khí chỉ có mặt ở những lễ lớn (Biên chung, Biên khánh, Chúc, Phụ, Ngũ). Nhiều nhạc khí ngày nay đã thất truyền. Thông thường gồm nhóm hơi: Kèn, sáo ngang, sáo dọc; nhóm dây: Nguyệt, Tì bà, đàn Tam, đàn Nhị, đàn Hồ; nhóm gõ: trống Đại, trống Chiến, Tiểu cô, Tiểu bông, Phong yêu; Phách, Sinh tiền, Tam âm la.

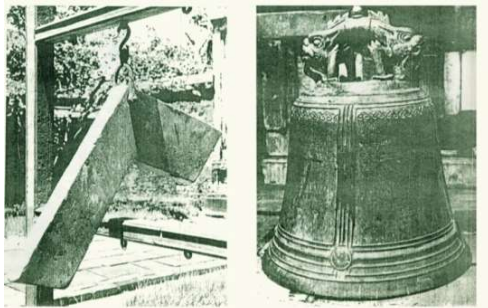
Nhạc khí cung đình Việt Nam
Trống ngường thiên (đã thất truyền):



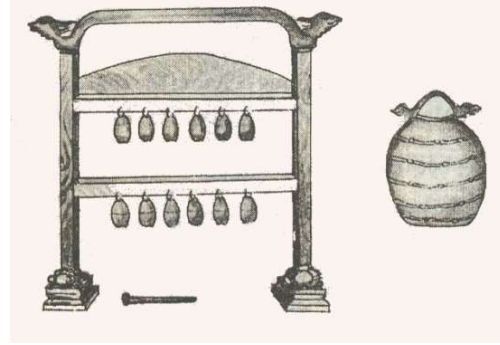
Trống chiến:



Đặc khánh và Bác chung (đã thất truyền)



Biên chung Việt Nam (đã thất truyền):



Thanh la:



Tiểu sa/thanh la nhỏ:



Tiểu bặt:



ARTS

Chúc (đã thất truyền):



Mô:



Song lan



Biến đổi

Từ ý nghĩa ban đầu của tổ chức âm nhạc cung đình mang nặng chức năng phục vụ lễ nghi, khi du nhập vào Việt Nam Nhã nhạc qua nhiều biến đổi và nhiều chặng đường phát triển, hầu như không còn mang tính chất thuần khiết của lễ-Nhạc vốn có ban đầu.

Theo thói quen, khái niệm Nhã nhạc ở Việt Nam hầu hết được hiểu là một tổ chức về dàn nhạc đời nhà Nguyễn (thế kỷ XIX) trong toàn bộ hệ thống âm nhạc cung đình nói chung. Xét về yếu tố thời gian, thật ra thuật ngữ âm nhạc cung đình ở Việt Nam và một số nước không chỉ tồn tại duy nhất loại hình nhạc lễ. Ngoài Nhã nhạc còn một số bộ phận khác thiên về chức năng giải trí, hoặc đệm cho các nhóm hát. Vì vậy, cần xác định: Nhã nhạc chỉ là một trong những loại hình âm nhạc thuộc dòng âm nhạc cung đình. Loại hình âm nhạc này chiếm ưu thế và có vị trí quan trọng đối với âm nhạc Việt Nam thời kỳ phong kiến. Điềm qua lịch sử Việt Nam, ở một số giai đoạn, khi đề cập đến âm nhạc, thường chỉ tồn tại các cặp khái niệm Quốc nhạc (Nhã nhạc) và tục nhạc. Giai đoạn nhà Lê, vì sự phân định khắc khe của triều đình về “âm nhạc

chính thống” và “âm nhạc dân dã” đã làm cho yếu tố dân gian khó thâm nhập vào cung đình.

Lịch sử hình thành và phát triển của dòng âm nhạc cung đình Việt Nam tuy không có bề dày lịch sử như các dòng cung đình các nước Châu Á khác, nhưng không thể phủ nhận dòng nhạc này đã có những đóng góp đáng kể và có những điểm rất khác biệt. Nhã nhạc Việt Nam là sự hòa quyện chặt chẽ cả ba yếu tố Nhạc, ca và múa. Dù việc phân loại, qui định cho các loại nhạc trong cung theo qui ước vẫn dựa trên cơ sở nhạc khí, nhưng bộ phận ca, múa đặc biệt đối với ca luôn là những thành phần quan trọng không thể thiếu.

Nhìn chung, bên cạnh khái niệm mang tính khái quát về âm nhạc lễ nghi trong cung đình, Gagaku và Nhã nhạc đều có những khái niệm riêng. Trường hợp này cũng tương tự đối với Yayue. Khái niệm hẹp của các dòng nhạc cho dù là Yayue, Gagaku hay Nhã nhạc cũng đều thống nhất ở một điểm: là tổ chức dàn nhạc thuộc hệ thống âm nhạc cung đình. Đặc biệt đối với Aak, thể loại âm nhạc cung đình Hàn Quốc về ý nghĩa có hơi khác. Khi đề cập đến Aak khái niệm hẹp của thuật ngữ chỉ được giới hạn ở loại âm nhạc ở các đền, miếu thờ Đức Khổng Tử. Ngoài ra, dòng cung đình Hàn Quốc còn có Tangak (Đường nhạc) và Hyangak (Hương nhạc) là loại nhạc bản địa đã tồn tại ở đất nước này từ trước khi những ảnh hưởng từ dòng âm nhạc cung đình Trung hoa đời nhà Đường du nhập vào¹⁰.

Âm nhạc cung đình bán đảo Triều Tiên

Bán đảo Triều Tiên như một cầu nối tự nhiên giữa đất liền với lục địa phía Đông Châu Á và những hòn đảo ngoài khơi, quan trọng nhất là Nhật Bản. Với khu vực biên giới phía Bắc đã chịu ảnh hưởng sâu đậm từ Trung Quốc cũng như các mối quan hệ với quốc gia láng giềng Nhật Bản trong suốt chiều dài lịch sử phát triển, Người dân bán đảo Triều Tiên đã thành công trong việc duy trì các truyền thống độc lập của mình cũng như hấp thu những truyền thống từ bên ngoài và bản địa hóa qua các giai đoạn phát triển của mình. Họ đã chứng minh sự độc lập của mình rất rõ qua âm nhạc. Bên cạnh những tiếp thu từ ảnh hưởng của âm nhạc Trung Quốc, Âm nhạc bán đảo Triều Tiên còn tiếp nhận những yếu tố âm nhạc qua các mối giao lưu, tiếp biến văn hóa đối với khu vực Cận Đông và phương Tây.

Âm nhạc cung đình Triều Tiên – Hàn Quốc được bảo tồn cho đến nay có thể được truy nguồn từ giai đoạn đầu của triều đại Joseon (năm 1392). Hiện tại thể loại nhạc này đang được bảo tồn, quản lý rất chặt chẽ, do các tổ chức chính phủ tài trợ. Tổ chức bảo tồn tiêu biểu hiện nay là Trung tâm biểu diễn nghệ thuật truyền thống Quốc gia Hàn Quốc.

ARTS

Cũng như Gagaku và Nhã Nhạc, Âm nhạc cung đình Hàn Quốc gồm: múa, hát, các dàn nhạc phục vụ lễ nghi. Về mặt âm nhạc thuần túy, có thể phân ra 3 loại: Aak, Dangak và Hyangak. Thể loại liên quan chặt chẽ đến dòng âm nhạc cung đình Trung Quốc thời nhà Đường được gọi là Aak.

Aak là một hình thức du nhập từ âm nhạc nghi lễ cung đình của Trung Quốc. Aak được du nhập vào bán đảo Triều Tiên năm 1116 và rất phổ biến trong một thời gian dài trước khi lụi tàn. Aak được khôi phục và sống lại vào năm 1430, dựa trên việc phục hồi những làn điệu cũ. Về mặt chất lượng, thời kỳ này đã nâng cấp chất lượng âm nhạc thể loại Aak đạt đến một trình độ khá cao.

Dangak cũng là một thể loại nhạc cung đình cổ của bán đảo Triều Tiên. Dangak có nghĩa là "Đường nhạc", được chuyển thể từ âm nhạc đời nhà Đường - Trung Quốc vào giai đoạn Silla thống nhất. Dangak tiếp tục phát triển qua các triều đại Goryeo (918-1392) và Joseon (1392-1910), Dangak biểu diễn đi kèm với điệu múa dangak jeongjae. Dang-ak ngày nay rất ít khi được biểu diễn, hiện chỉ còn sót lại 2 tác phẩm: Nakyangchun và Boheoja.

Hyangak được gọi là "Hương nhạc" là hình thức âm nhạc bản địa duy nhất của nhạc cung đình Triều Tiên còn tồn tại đến ngày nay, dàn nhạc Hyangak thường gồm kèn Piri và các nhạc cụ dây khác. Hyangak có nguồn gốc từ thời Tam Quốc của nước này (57 TCN-668 SCN). Hyangak thường được kết hợp với những điệu dân vũ cổ Triều Tiên là hyangak jeongjae. Vào thời Joseon Hyangak và Dangak dần bị ảnh hưởng qua lại về mặt âm nhạc lẫn nhạc khí.

Bộ phận lễ nhạc của cung đình Triều Tiên đã cố gắng phục hồi đúng theo âm nhạc Trung Quốc tại cung đình Triều Tiên. Việc phục hồi này thuần túy nhằm mục đích vào việc sử dụng trong các lễ nghi. Nhạc tế lễ Khổng giáo Hàn Quốc đậm chất trang nghiêm, quy củ, qua các trình thức lễ, qua việc đầu tư cho trang phục cầu kỳ vương giả theo phong cách cung đình cổ, những vật tế lễ của những triều đại vương quyền còn sót lại. Có thể thấy rõ những điều này qua các phần nghi lễ vẫn được thực hiện tại Seoul ngày nay.

Nếu cả 3 dòng nhạc: ya-yue, suye, huywe ở Trung Quốc tiếp tục được duy trì, tiếp nhận, bổ sung, thay đổi trong quá trình phát triển, thì ở Triều Tiên, âm nhạc nghi lễ được lựa chọn để bảo vệ nghiêm ngặt và bảo tồn gần như nguyên trạng. Mặc dù âm nhạc nghi lễ cung đình cổ đại Trung Quốc đã được tiếp nhận và hiện diện tại các nước: Nhật Bản, Triều Tiên, Việt Nam, nhưng chỉ có Triều Tiên (cụ thể là Hàn Quốc hiện nay) là nơi lưu giữ, bảo tồn tốt nhất hệ thống các nhạc cụ cung đình, tính chất âm nhạc và các nghi thức

lễ cổ xưa này (Âm nhạc tại các đền thờ Khổng Tử). Người dân Hàn Quốc ngày nay bảo tồn và đã Hàn hóa Aak theo quan điểm thẩm mỹ của riêng họ.

Dàn nhạc Aak hiện nay đã được chuyên môn hóa cao, chỉ được trình diễn trong một số nghi lễ và chương trình nhất định. Đó là lễ cúng tế hai năm một lần nhằm tôn vinh Khổng Tử, được tổ chức vào mỗi mùa xuân và mùa thu tại đền thờ Munmyo. Chương trình lễ và nhạc mục đều đã được rút ngắn hơn, ít phức tạp hơn so với các lễ thức đã sử dụng trong triều đại Choson.

Tuy môi trường xã hội và con người ngày nay đã khác xa so với trước kia, cùng với những sự xô bồ của hoạt động du lịch, chỉ phối bởi các ống kính, máy quay thường trực, nhưng thực tế, sự tồn tại của Aak tại Hàn Quốc (South of Korea) vẫn được lưu truyền, tồn tại với cuộc sống tín ngưỡng của cộng đồng một cách thực tiễn, nghiêm trang từ thời cổ xưa đến hiện tại. Điều này cho thấy đây là sự bảo tồn đích thực, không phải những việc xây dựng lại nhằm phục vụ cho những mục đích du lịch. Có thể quan sát thái độ của những người tham gia và những thành viên trong các cuộc hành lễ, của những khán giả lớn tuổi, các thân nhân của các gia đình trong giòng họ, việc truyền đạt ý nghĩa quan trọng của những sự kiện này đã cho thấy những đức tin Khổng giáo cuồng nhiệt của thời đại trước của người dân nơi đây.



Dàn nhạc cung đình tại đền thờ Jongmyo jeryeak/
Nguồn: www.han-style.com/english/hankukak/kind01.jsp



Nghi thức rước tổ tiên và Hoàng gia tại đền thờ Jongmyo jeryeak/ Nguồn: en.wikipedia.org/wiki/Jongmyo_jerye



Đàn Haegeum/
Nguồn: (en.wikipedia.org/.../Traditional_Korean_musical_instrument)



Ajaeng trong lễ tế tại đền thờ Khổng Tử /
Nguồn": www.allmusic.com/.../korea-jongmyo-jeryeak-ritual-music.



Taegum/
nguồn: en.wikipedia.org/.../Traditional_Korean_musical_instrument



Taegum¹¹
Các thời kỳ theo lịch đại giữa:

Việt Nam, Nhật Bản, Bán đảo Triều Tiên, Trung Quốc - Đối chiếu với Dương Lịch

Việt Nam	Nhật Bản	Bán đảo Triều Tiên	Trung Quốc	Dương lịch Châu Âu
5000 năm (Trước C.N)				
Hồng Bàng (18 đời Vua Hùng)	Thời Jomon Thời Yayoi	Thời Choson cổ đại (2333-108)	Phục Hy; Thần Nông; Hạ (2070-1600) Thương (1600-1046) Chu (1046-256)	3000 năm (Trước C.N)
Nhà Thục (257-208) Nhà Triệu (207-111)		Thời Samhan Thời Tam quốc (37 TCN-668): <i>Triều Koguryo; Shilla và Paekche</i>	Chu Tân Thủy Hoàng (221-207) Hán (202-280)	250 năm (Trước C.N)
Hai Bà Trưng (40-43)	Thời Kofun (300-552)	Thời ba vua/Tam quốc Goguryo (37TCN-668) Baekche (18TCN-660) Shilla (57TCN-668)	Hán Tam Quốc (220-280) <i>(Nguy-Thục-Ngô)</i> Tấn (266-420) Nam-Bắc triều (420-589)	Năm 40 (Sau C.N)
Tiên Lý (544-548)	Thời Asuka - Hậu Yamato (552-710)	Thời ba vua/Tam quốc	Tùy (581-618)	Năm 500
Mai Hắc Đế (722) Bố Cái Đại Vương (791)	Thời Nara (710-794)	Thời Shilla hợp nhất (668-935)	Nhà Đường (618-907)	Năm 700
	Thời Heian (794-1185)		Ngũ đại - Thập quốc (907-979)	Năm 800
Nhà Ngô (939-967)	Thời Heian	Triều Goryeo - Cao Ly (918-1392)	5 đời Nhà Tống (960-1279)	Năm 900
Nhà Đinh (968-980)	Thời Heian	Triều Goryeo (918-1392)	Nhà Tống	
Nhà Tiền Lê (980-1009)	Thời Heian	Triều Goryeo	Nhà Tống	
Nhà Lý (1010-1225)	Thời Kamakura (1185-1333)	Triều Goryeo	Nhà Tống	Năm 1000
Nhà Trần (1225 -)	Nam-Bắc phân quyền (1333-1392)	Triều Goryeo	Nhà Tống Nhà Nguyên (1285 - 1369)	Năm 1200
Nhà Trần (- 1400)	Thời Muromachi (Ashikara) (1392-1563)	Triều Joseon (1392-1910)	Nhà Minh (1368-1644)	Năm 1300
Nhà Hồ (1400-1407)	Thời Muromachi	Triều Choson	Nhà Minh	Năm 1400
Hậu Trần (1407-1413)	Thời Muromachi	Triều Choson	Nhà Minh	
Nhà Lê (1428-1527) Nhà Mạc (1528-1593) Nhà Mạc-Lê <u>Hạ</u> (Lê-Trinh) (1583-1588)	Thời Momoyama (1568-1600)	Triều Choson	Nhà Minh	Năm 1500
Nhà Lê (- 1788) Tây Sơn (1788-1802) Nhà Nguyễn (1802-1945)	Thời <u>Edo</u> (1600-1868) Thời Meiji (1868- 1912)	Triều Choson	Nhà Thanh (1636-1912)	Năm 1600

Kết luận

Âm nhạc cung đình chịu tác động trực tiếp từ những quan điểm thẩm mỹ do chính con người của thời đại chi phối. Đồng thời, những tư tưởng đó lại phát sinh từ các yếu tố môi trường, hoàn cảnh sống, văn hóa, xã hội, ý thức, điều kiện lịch sử, kinh tế khác nhau. Điều này đã dẫn đến một số thay đổi hoặc khác biệt trong

ARTS

quá trình du nhập, tiếp cận và biến đổi của dòng nhạc này đối với từng nước. Cụ thể về hệ thống lý thuyết; ngôn ngữ; chất liệu âm nhạc; hình thức, thể loại; nhạc khí, màu âm; kỹ thuật, phong cách diễn tấu, hòa tấu; tổ chức dàn nhạc...

Như vậy, tuy có cùng tên gọi, ý nghĩa và nguồn gốc, nhưng trong quá trình du nhập, âm nhạc cung đình các nước Việt Nam, Nhật Bản, Hàn Quốc đã có những chọn lọc, sáng tạo và thay đổi so với loại hình âm nhạc cung đình mang tính nguyên bản từ Trung Quốc.

CHÚ THÍCH

¹Theo Keith pratt, trang 23, Korean Music – Its history and Its Performance. Faber Music in Association with Jung Eum Sa, , International Fund for the Promotion of Culture, 1987.

²“Những ghi chép về Lê Quý Đôn trong Vân Đài loại ngữ” Phạm Văn Khoái (đăng trong tạp chí Nghiên cứu Nghệ thuật số 10/1996 trang 38)

³Theo “Lịch sử âm nhạc thế giới” Nguyễn Xinh” Nhạc Viện Hà Nội, 1983 (trang 17-18).

⁴Gagaku Được UNESCO công nhận là Di sản văn hóa phi vật thể của nhân loại năm 2009.

⁵Năm 746 những người từ Bokkai đến Nhật qua con đường Triều Tiên.

⁶Vào năm 736, các giáo sỹ Phật Giáo người Ấn và các giáo sỹ Champa (Đại Việt) đến Nhật lần đầu, họ dạy các tiết mục âm nhạc và múa mang phong cách Ấn Độ và Đông Nam Á tại đền Taian-ji ở Nara và đền Shitenno-ji ở Osaka (theo Masataro Togi, “Gagaku court music and dance” Dịch : Don Deny., London 1971 - trang 125, 126) qua 8 tác phẩm mang phong cách Tenjikugaku (天竺楽) and Rinyūgaku (林邑楽)

⁷Nhã nhạc được UNESCO công nhận là Kiệt tác truyền khẩu và phi vật thể nhân loại năm 2003.

⁸Vào thời này, bên cạnh những nhạc khí đã được sử dụng trong dân gian và cung đình, còn có những nhạc cụ du nhập từ Trung Hoa (đàn Cầm, đàn Nguyệt, Tỳ Bà), nhạc cụ có nguồn gốc Ấn Độ, Trung Á (trống Phong yêu, Mỏ, đàn Hồ).

⁹Là những nhạc khí có trong các dàn nhạc cung đình nhà Minh và Nhà Thanh (trung Quốc) và dàn nhạc các đền thờ Khổng Tử của Hàn Quốc (đền Munmyo) vẫn lưu truyền ngày nay

¹⁰Xem : “Korean court music and dance”, Byong Won Lee. Korean National Academy of art.,Seoul,1973 (trang 7-10) và “Korea music” trong : “the new Oxford companion to Music” của Denis Arnold.,Oxford University press 1996. (trang 1025)

¹¹(nguồn

www.britannica.com/EBchecked/topic/580160/tae gum)

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Koizumi & K.Okada, “Gagaku the noble music of Japan”., Institute fur den Wissnschaftlichen Film. Gottingen, 1974.
2. Eta Harich & Schneider, “A history of Japanese Music”., London Oxford Univesity Press 1973.
3. William P.Malm, “Japanese music and musical instruments”., Charles E Tuttle Company, Tokyo, Japan 1959.
4. Kishibe Ghigeo, “The traditional music of Japan”, Ongaku no tomo sha Edition, 1984.
5. Masataro Togi, *Gagaku court music and dance*. Translator: Don Deny., London 1971.
6. Denis Arnold. *The New Oxford companion. volume 1, 2. Oxford university press 1994.*
7. Stanley Sadie, *The New Grove Dictionary of music and musicians. volume 5, 12, 13. Schutz – Spinto, Macmillian Publishers Limited publish, 2001.*
8. Bang-Song Song, *Korean music and instrments. National classical music institute Seoul republic of Korea, 1987.*
9. Byong Won Lee, *Korean Court music and dance. Survey of Korean Arts: Traditional music, Academic of Arts., Seoul 1973.*
10. Kieth Pratt, *Korean music its history and its performance. Faber music in association with Jung Eum Sa., Seoul 1987.*
11. A.J.A.Van, *Chinese music. New York, Paragon book 1966.*
12. Brian Hook, *The Cambridge Encyclopedia of China (361-363).Cambridge university press 1991.*
13. Van Thi Minh Huong, *Gagaku and Nha Nhạc. Thanh Nien Publisher., HCMC 2003.*
14. Van Thi Minh Huong, *Oriental Music. Oriental Publisher., HCMC 2016.*